

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-01-2020  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Quách Hà Vinh

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiền - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2019, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Thành Sơn, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.  
Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt)

*- Bị đơn:* Anh Đinh Xuân T; sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn Eo Bàn, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và bản tự khai ngày 26/9/2019 chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Đinh Xuân T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 11/7/2014 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T nhiều lần uống rượu về chửi bới và đánh đập chị. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11 năm 2017, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai

quan tâm ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Xuân C, sinh ngày 16/5/2017. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Tại phiên tòa anh Đinh Xuân T trình bày: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 11/7/2014 tại UBND xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11 năm 2017, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm ai. Nay chị H có yêu cầu ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Xuân C, sinh ngày 16/5/2017. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cường tuy nhiên cháu C đang còn nhỏ nên anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa anh trình bày anh đi làm có thu nhập mỗi tháng trung bình hơn 5.000.000đ, tại đơn khởi kiện chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng, tuy nhiên tại phiên tòa anh tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc, chị H không thể có mặt để tham gia phiên tòa được, chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

Ý kiến đại diện viện kiểm sát: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đinh Xuân T. Về con: Giao cháu Đinh Xuân C, sinh ngày 16/5/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ nên đề nghị tòa án ghi nhận và xem xét ý kiến của anh T. Về tài sản công nợ chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Đinh Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2014 tại UBND xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau dẫn đến luôn bất đồng nhau về quan điểm và lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không thể khắc phục hàn gắn tình cảm được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người ấy sống. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận. Tại phiên tòa, chị H và anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Chứng tỏ giữa chị H và anh T không còn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh Thìn để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Xuân C, sinh ngày 16/5/2017. Từ khi vợ chồng ly thân cháu C ở với chị H. Cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con. Nhưng xét hoàn cảnh thực tế cháu C mới được hơn 2 tuổi, đang còn nhỏ, rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, bên cạnh mẹ. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho cháu, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Đinh Xuân C cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng nhằm ưu tiên và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ là cần thiết và để anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Thìn khai mình có thu nhập và tự nguyện đóng góp tiền nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy việc tự nguyện đóng góp tiền nuôi con của anh T là phù hợp pháp luật đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a Khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đinh Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Xuân C, sinh ngày 16/5/2017 cho chị Hưng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Thìn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chưa thành niên, anh T, chị H có quyền thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đủ điều kiện và chứng cứ hợp pháp.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003788 ngày 23/9/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Đinh Xuân T, vắng mặt chị Bùi Thị H. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hưng có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(đã ký và đóng dấu)*

**Lê Văn Quân**

